TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 / 4 / 2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Lưu Tiến Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về "*tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1988, địa chỉ: tổ N, khóm V, phường K, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1982, địa chỉ: tổ N, khóm V, phường K, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị H có mặt, ông Trần Văn P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà H và ông P do mai mối và được cha mẹ hai bên chấp thuận nên đi đến hôn nhân, Đ ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông P đi làm xa không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ khoảng tháng 01/2015 đến nay. Tình cảm không còn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 26/01/2007 và Trần Kim N, sinh ngày 02/10/2010. Cả 02 con hiện do bà H trực tiếp nuôi dạy, do đó bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của ông P nhận thay và cam kết thông báo lại cho ông P biết nhưng ông P vẫn không đến Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa

- Ý kiến nguyên đơn: bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông P và xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P chung sống với nhau như vợ chồng, Đ ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày nguyên nhân bà H xin ly hôn với ông P là ông P đi làm xa không quan tâm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ năm 2015 đến nay Tình cảm không còn nên bà H xin ly hôn với ông P. Ông P biết được bà H xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án. Điều đó thấy rằng ông P không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà Huyền, ông P có 02 con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 26/01/2007 và Trần Kim N, sinh ngày 02/10/2010. Con chung hiện do bà

H đang nuôi dạy và nguyện vọng của 02 cháu muốn được sống với bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu được nuôi con chung của nguyên đơn, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn P. Đồng thời, ông P cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Văn P được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Đối với quan hệ hôn nhân, bà H, ông P chung sống với nhau từ năm 2006 Đ ký kết hôn tại UBND phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc vào ngày 17/9/2006, giấy chứng nhận kết hôn số 52/2006 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà H trình bày nguyên nhân bà H yêu cầu ly hôn với ông P là do ông P đi làm xa, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và đã không còn sống chung từ tháng 01/2015 đến nay. Ông P biết được bà H xin ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải theo Thông báo của Tòa án.

Bên cạnh đó, Tòa án ghi nhận ý kiến của bà Trần Thị Tuyết là cô ruột và cùng nơi cư trú với ông P thể hiện vợ chồng H, P đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và hiện nay H, P đều đã có gia đình khác nên P đồng ý theo yêu cầu ly hôn của H. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà H.

[2] Về con chung, bà H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 26/01/2007 và Trần Kim N, sinh ngày 02/10/2010, hiện do bà H đang nuôi dạy. Do 02 cháu đều đã đủ 07 tuổi nên Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến và cả 02 cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào nguyện vọng của con chung và yêu cầu

của nguyên đơn, xét giao cho bà H được tiếp tục nuôi cháu 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp. Ông P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Bà Trần Thị H được nuôi dạy 02 con chung tên Trần Hải Đ, sinh ngày 26/01/2007 và Trần Kim N, sinh ngày 02/10/2010 cho đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Văn P không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0014939 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Trần Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn P vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Ngọc Tiền